

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: Số 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,  
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 26

12.3.6  
CÔNG  
T  
TH TO  
3M  
1-7

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Bùi Trung Trục	Thành viên
Ông Mai Văn Dương	Thành viên
Ông Lê Văn Quý	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Liên	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên
Ông Tô Văn An	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,  
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Lê Đình Hiền**  
**Tổng giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2018

Số: 19.148/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, được lập ngày 24 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

***Kết luận của kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



---

**Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2018*

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THÙY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,  
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>79.324.033.282</b>	<b>118.483.648.606</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>12.333.238.985</b>	<b>18.744.497.648</b>
1. Tiền	111		12.333.238.985	18.744.497.648
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.077.659.000</b>	<b>91.726.201.325</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	58.407.212.466	87.377.811.616
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.927.490.817	2.282.431.700
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		99.580.000	99.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	677.135.717	2.432.139.575
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.033.760.000)	(465.761.566)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>6.913.135.297</b>	<b>7.925.286.262</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.7	6.913.135.297	7.925.286.262
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>87.663.371</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	87.663.371
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>119.885.888.204</b>	<b>125.111.335.236</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.881.296.704</b>	<b>24.106.743.736</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	17.081.296.704	22.056.743.736
Nguyên giá	222		90.585.828.718	90.831.166.092
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.504.532.014)	(68.774.422.356)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.800.000.000	2.050.000.000
Nguyên giá	228		1.800.000.000	2.050.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>101.004.591.500</b>	<b>101.004.591.500</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	101.004.591.500	101.004.591.500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>199.209.921.486</b>	<b>243.594.983.842</b>

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THÙY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,  
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>59.712.006.353</b>	<b>113.353.398.240</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.712.006.353</b>	<b>113.353.398.240</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	23.582.929.932	87.422.026.481
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	18.858.134.990	13.730.714.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	3.015.922.244	1.208.596.252
4. Phải trả người lao động	314		1.739.000.000	1.368.500.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	2.700.000.000	6.530.186.905
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		662.401.973	377.879.973
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.13	4.910.160.000	1.636.190.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.14	4.000.000.000	1.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		243.457.214	79.304.629
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>139.497.915.133</b>	<b>130.241.585.602</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.15	<b>139.497.915.133</b>	<b>130.241.585.602</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		67.571.657.587	67.271.657.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.873.549.366	5.917.219.835
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.873.549.366	5.917.219.835
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>199.209.921.486</b>	<b>243.594.983.842</b>



**Lê Đình Hiền**  
**Tổng Giám đốc**

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 08 năm 2018

**Hữu Văn Tuấn**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thu Hương**  
**Người lập**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,  
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.16	125.024.516.372	54.468.500.049
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		120.550.909	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.903.965.463	54.468.500.049
4. Giá vốn hàng bán	11	4.17	114.303.033.511	49.492.942.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.600.931.952	4.975.557.559
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.18	9.409.474.147	2.564.169.031
7. Chi phí tài chính	22	4.19	118.058.775	147.710.359
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		105.864.304	126.467.378
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.20	5.855.415.110	4.417.866.059
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.036.932.214	2.974.150.172
10 Thu nhập khác	31	4.21	2.254.574.164	2.635.761.566
11 Chi phí khác	32		414.421	-
12 Lợi nhuận khác	40		2.254.159.743	2.635.761.566
13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.291.091.957	5.609.911.738
14 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.23	1.417.542.591	718.828.864
15 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.873.549.366	4.891.082.874



**Lê Đình Hiền**  
**Tổng Giám đốc**

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 08 năm 2018

**Hầu Văn Tuấn**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thu Hương**  
**Người lập**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,  
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.291.091.957	5.609.911.738
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.22	5.085.247.031	6.395.094.971
Các khoản dự phòng	03	4.22	4.567.998.434	1.235.761.566
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.659.474.147)	(4.964.169.031)
Chi phí lãi vay	06	4.19	105.864.304	126.467.378
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>14.390.727.579</b>	<b>8.403.066.622</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.168.207.262	(29.965.854.140)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.012.150.965	(1.491.580.064)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(60.977.446.888)	33.946.254.642
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	400.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14		(105.864.304)	(126.467.378)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(519.610.174)	(633.826.521)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(53.067.250)	(50.388.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>(16.084.902.810)</b>	<b>10.481.204.661</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(109.800.000)	(7.703.345.454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.500.000.000	2.400.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.050.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.18	9.409.474.147	2.564.169.031
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>11.799.674.147</b>	<b>(6.789.176.423)</b>

*(Xem trang tiếp theo)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG  
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,  
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.24	9.451.427.000	4.473.300.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.25	(6.177.457.000)	(4.540.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(5.400.000.000)	(10.800.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.126.030.000)</b>	<b>(10.866.700.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(6.411.258.663)</b>	<b>(7.174.671.762)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		18.744.497.648	16.342.213.056
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	4.1	<b>12.333.238.985</b>	<b>9.167.541.294</b>



Lê Đình Hiền  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 08 năm 2018

Hầu Văn Tuấn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 29 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 63 (31 tháng 12 năm 2017 là: 72).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thi công xây dựng.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2017.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	3.225	12.222.726
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.333.235.760	18.732.274.922
<b>Cộng</b>	<b>12.333.238.985</b>	<b>18.744.497.648</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.2. Đầu tư vào công ty con**

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	66.664.164.000	-	152.907.293.700	66.664.164.000	-	170.231.765.400
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40 (*)	34.340.427.500	-	-	34.340.427.500	-	-
<b>Cộng</b>	<b>101.004.591.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>101.004.591.500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu từ khách hàng:		
TTQL Đầu Tư & Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	14.388.552.426	-
Công ty CP Thủy Điện Phước Hòa	11.933.558.804	54.800.428.666
Các khách hàng khác	31.868.667.768	31.353.826.634
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	216.433.468	1.223.556.316
<b>Cộng</b>	<b>58.407.212.466</b>	<b>87.377.811.616</b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty Kỹ Thuật Dịch Vụ HEP	427.350.000	244.200.000
Công ty TNHH Hoàng Minh	2.024.717.100	-
Các nhà cung cấp khác	475.423.717	2.038.231.700
<b>Cộng</b>	<b>2.927.490.817</b>	<b>2.282.431.700</b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu cho Công ty Hà Hưng mượn nguyên liệu	392.135.717	-	699.885.717	-
Phải thu người lao động	185.000.000	-	707.253.858	-
Phải thu bên liên quan về nhượng bán nhà xưởng – Xem thêm mục 4.26	-	-	1.025.000.000	-
Phải thu khác	100.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>677.135.717</b>	<b>-</b>	<b>2.432.139.575</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	4.107.661.525	2.073.901.525	4.107.661.525	3.641.899.959

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND			Tại ngày 01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
TT QLKT CT Công cộng Huyện Đạteh	4.107.661.525	2.073.901.525	2-3 năm	4.107.661.525	3.641.899.959	1-2 năm

**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.913.135.297	-	7.925.286.262	-

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	1.412.255.082	77.825.213.102	11.136.652.456	457.045.452	90.831.166.092
Mua trong kỳ		109.800.000			109.800.000
Thanh lý, nhượng bán	(355.137.374)				(355.137.374)
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>1.057.117.708</b>	<b>77.935.013.102</b>	<b>11.136.652.456</b>	<b>457.045.452</b>	<b>90.585.828.718</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	845.102.201	61.819.702.762	5.716.000.976	393.616.417	68.774.422.356
Khấu hao trong kỳ	21.142.356	4.203.443.706	840.860.970	19.800.000	5.085.247.032
Thanh lý, nhượng bán	(355.137.374)				(355.137.374)
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>511.107.183</b>	<b>66.023.146.468</b>	<b>6.556.861.946</b>	<b>413.416.417</b>	<b>73.504.532.014</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	567.152.881	16.005.510.340	5.420.651.480	63.429.035	22.056.743.736
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>	<b>546.010.525</b>	<b>11.911.866.634</b>	<b>4.579.790.510</b>	<b>43.629.035</b>	<b>17.081.296.704</b>

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 48.620.849.921 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Phước Tiến	2.490.531.681	2.490.531.681	2.490.531.681	2.490.531.681
Phải trả cho các đối tượng khác	9.891.422.867	9.891.422.867	15.112.844.724	15.112.844.724
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	11.200.975.384	11.200.975.384	69.818.650.076	69.818.650.076
<b>Cộng</b>	<b>23.582.929.932</b>	<b>23.582.929.932</b>	<b>87.422.026.481</b>	<b>87.422.026.481</b>

**4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công ty CP Thủy Điện Minh Tân	4.470.349.338	-
BQLDA ĐT Xây Dựng Thủy Lợi 10	5.359.340.000	-
TTQLKTCông trình Công công Huyện Đam rông	5.079.674.600	6.300.000.000
Các khách hàng khác	3.948.771.052	7.430.714.000
<b>Cộng</b>	<b>18.858.134.990</b>	<b>13.730.714.000</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.893.001.859	2.577.890.802	1.505.095.957	-	820.207.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	810.269.046	1.417.542.591	519.610.174	87.663.371	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	312.651.339	338.477.372	405.646.491	-	379.820.458
Thuế tài nguyên	-	-	-	8.050.000	-	8.050.000
Các loại thuế khác	-	-	4.681.220	5.200.000	-	518.780
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.015.922.244</b>	<b>4.338.591.985</b>	<b>2.443.602.622</b>	<b>87.663.371</b>	<b>1.208.596.252</b>

**4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí trích trước giá vốn công trình chưa thu thập được hóa đơn chứng từ vào cuối kỳ.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	-	-	2.577.067.000	2.577.067.000	-	-
Vay cá nhân	4.910.160.000	4.910.160.000	6.874.360.000	3.600.390.000	1.636.190.000	1.636.190.000
<b>Cộng</b>	<b>4.910.160.000</b>	<b>4.910.160.000</b>	<b>9.451.427.000</b>	<b>6.177.457.000</b>	<b>1.636.190.000</b>	<b>1.636.190.000</b>

Vay cá nhân là khoản vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo lãi suất ngân hàng (8%/năm) và không có tài sản đảm bảo.

**4.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Là khoản dự phòng bảo hành các công trình đã thi công, mức trích dự phòng tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công và không vượt quá 5% theo quy định của Nhà nước.

(Xem tiếp trang sau)

(Chữ ký và đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**Địa chỉ: Số 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,  
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	36.000.000.000	21.052.708.180	66.371.657.587	11.812.463.566	135.236.829.333
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	4.891.082.874	4.891.082.874
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	900.000.000	(900.000.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(112.463.566)	(112.463.566)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2017</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>21.052.708.180</b>	<b>67.271.657.587</b>	<b>4.891.082.874</b>	<b>129.215.448.641</b>
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	6.426.136.961	6.426.136.961
Chia cổ tức	-	-	-	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>21.052.708.180</b>	<b>67.271.657.587</b>	<b>5.917.219.835</b>	<b>130.241.585.602</b>
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	14.873.549.366	14.873.549.366
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	300.000.000	(300.000.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(217.219.835)	(217.219.835)
<b>Số dư tại ngày 30/06/2018</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>21.052.708.180</b>	<b>67.571.657.587</b>	<b>14.873.549.366</b>	<b>139.497.915.133</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Vốn góp của các cổ đông	36.000.000.000	36.000.000.000

**4.15.3. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 30/06/2018</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	3.600.000	3.600.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	125.024.516.372	54.278.223.158
Doanh thu khác	-	190.276.891
<b>Cộng</b>	<b><u>125.024.516.372</u></b>	<b><u>54.468.500.049</u></b>
Trong đó, doanh thu hợp đồng xây dựng cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.26	1.388.565.498	4.815.956.104

**4.17. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Giá vốn thi công công trình	114.303.033.511	49.304.433.399
Giá vốn hoạt động khác	-	188.509.091
<b>Cộng</b>	<b><u>114.303.033.511</u></b>	<b><u>49.492.942.490</u></b>

**4.18. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lãi tiền gửi	41.095.147	273.376.031
Cổ tức, lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 4.26	9.368.379.000	2.290.793.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.409.474.147</u></b>	<b><u>2.564.169.031</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.19. Chi phí tài chính**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lãi tiền vay	105.864.304	126.467.378
Chi phí tài chính khác	12.194.471	21.242.981
<b>Cộng</b>	<b>118.058.775</b>	<b>147.710.359</b>

**4.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.847.030.143	2.544.694.832
Chi phí khấu hao TSCĐ	570.048.780	570.048.780
Thuế, phí và lệ phí	4.681.220	4.000.000
Chi phí dự phòng	1.567.998.434	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	865.656.533	1.299.122.447
<b>Cộng</b>	<b>5.855.415.110</b>	<b>4.417.866.059</b>

**4.21. Thu nhập khác**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.250.000.000	2.400.000.000
Thu nhập khác	4.574.164	235.761.566
<b>Cộng</b>	<b>2.254.574.164</b>	<b>2.635.761.566</b>

**4.22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.988.036.537	33.386.008.333
Chi phí nhân công	10.431.356.778	8.690.662.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.085.247.031	6.395.094.971
Chi phí dự phòng	4.567.998.434	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.263.512.798	4.455.101.356
Chi phí khác bằng tiền	1.810.146.078	2.475.521.207
<b>Cộng</b>	<b>119.146.297.656</b>	<b>55.402.388.613</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	16.291.091.957	5.609.911.738
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	165.000.000	165.000.000
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(9.368.379.000)	(2.290.793.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	7.087.712.957	3.484.118.738
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.417.542.591	696.823.748
Cộng: Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	22.005.116
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>1.417.542.591</b>	<b>718.828.864</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế TNDN như khấu hao vượt mức quy định và cổ tức được chia.

**4.24. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	9.451.427.000	4.473.300.000

**4.25. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(6.177.457.000)	(4.540.000.000)

**4.26. Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan

	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Công ty con gián tiếp
6. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 30/06/2018 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2018 VND</b>
<b>Phải thu thương mại:</b>		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	-	184.302.974
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	-	131.686.305
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	216.433.468	907.567.037
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.3</b>	<b>216.433.468</b>	<b>1.223.556.316</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2018 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2018 VND</b>
<b>Phải thu khác:</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng - Xem thêm mục 4.5	-	1.025.000.000
	<b>Tại ngày 30/06/2018 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2018 VND</b>
<b>Phải trả thương mại:</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	(936.517.986)	(4.514.050.390)
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	(10.039.015.398)	(65.304.599.686)
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	(225.442.000)	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.9</b>	<b>(11.200.975.384)</b>	<b>(69.818.650.076)</b>
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ:</b>		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	1.130.425.574	1.394.973.000
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	258.139.924	3.420.983.104
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.16</b>	<b>1.388.565.498</b>	<b>4.815.956.104</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Mua hàng:</b>		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	19.507.549.151	4.498.732.236
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	204.947.273	436.928.182
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	52.598.970.540	12.395.372.915
<b>Cộng</b>	<b>72.311.466.964</b>	<b>17.331.033.333</b>
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
<b>Cổ tức:</b>		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	7.532.379.000	2.290.793.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	1.836.000.000	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.18</b>	<b>9.368.379.000</b>	<b>2.290.793.000</b>

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	685.200.000	728.200.000
Cổ tức đã chia cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	730.575.000	1.808.250.000
<b>4.27. Thu nhập Ban kiểm soát</b>		
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	48.000.000	54.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.28. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



**Lê Đình Hiền**  
Tổng giám đốc

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 08 năm 2018

**Hâu Văn Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hương**  
Người lập